

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 01 - 2024
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly

2. Ông Võ Thanh Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 741/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 610/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giữa:

1. **Nguyên đơn:** Anh Trần Ngọc A, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; (có mặt).

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Ngọc A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị H do quen biết, tự tìm hiểu nên chung sống như vợ chồng kể từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ trước đến nay anh A và chị H chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Ngoài ra anh A và chị H không đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nào khác. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không

còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh A yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 03/5/1999 và Trần Ngọc Khang, sinh ngày 15/7/2004. Hiện cháu Trần Thị Mỹ P và cháu Trần Ngọc Khang đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất theo lời trình bày của anh Trần Ngọc A. Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Trần Ngọc A.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 03/5/1999 và Trần Ngọc Khang, sinh ngày 15/7/2004. Hiện cháu Trần Thị Mỹ P và cháu Trần Ngọc Khang đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Anh Trần Ngọc A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Chị Nguyễn Thị Kim H vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Không công nhận anh Trần Ngọc A và chị Nguyễn Thị Kim H là vợ chồng. Về con chung, có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 03/5/1999 và Trần Ngọc Khang, sinh ngày 15/7/2004. Hiện cháu Trần Thị Mỹ P và cháu Trần Ngọc Khang đã trưởng thành, có cuộc sống riêng không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1976; có nơi cư trú tại: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Anh Trần Ngọc A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, chị Nguyễn Thị Kim H có nơi cư trú tại: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Căn cứ lời khai của anh Trần Ngọc A và chị Nguyễn Thị Kim H, anh A và chị H chung sống như vợ chồng từ năm 1998 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Đồng thời, căn cứ Công văn số 32/CV-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ thể hiện không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn anh A và chị H. Do đó, lời trình bày của anh A và chị H về việc anh A và chị H đã chung sống như vợ chồng từ năm 1998 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của anh A yêu cầu được ly hôn với chị H, Hội đồng xét xử xét thấy, anh A và chị H chung sống như vợ chồng từ năm 1998 cho đến nay, mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng anh A và chị H không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Ngọc A và chị Nguyễn Thị Kim H.

[2.2] Đối với con chung:

Anh A và chị H xác định anh A và chị H có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 03/5/1999 và Trần Ngọc Khang, sinh ngày 15/7/2004. Hiện cháu Trần Thị Mỹ P và cháu Trần Ngọc Khang đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Trần Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Ngọc A và chị Nguyễn Thị Kim H là vợ chồng.

[2] Về con chung: 02 con chung tên Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 03/5/1999 và Trần Ngọc Khang, sinh ngày 15/7/2004. Hiện cháu Trần Thị Mỹ P và cháu Trần Ngọc Khang đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Ngọc A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0014583 ngày 10/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức

